

BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ VINMEC SMART CITY

BÁO CÁO

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ VINMEC SMART CITY
(ĐỢT 1 NĂM 2025)

**Địa chỉ: Lô đất ký hiệu F2-CCTP3, Khu đô thị mới Tây Mỗ, Đại Mỗ, Vinhomes
Park, Đường Tây Mỗ, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội**
(KĐT mới Tây Mỗ, Đại Mỗ, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội)

Hà Nội - 2025

BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ VINMEC SMART CITY

* * * * *

BÁO CÁO

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ VINMEC SMART CITY
(ĐỢT 1 NĂM 2025)

Địa chỉ: Lô đất ký hiệu F2-CCTP3, Khu đô thị mới Tây Mỗ, Đại Mỗ, Vinhomes Park, Đường Tây Mỗ, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội (KĐT mới Tây Mỗ, Đại Mỗ, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội)

CHỦ ĐẦU TƯ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ VINMEC SMART CITY



Hà Nội - 2025

PHẦN I: TỔNG QUAN	2
1.1. Mục tiêu của báo cáo	2
1.2. Quy trình lập báo cáo:.....	2
1.3. Cơ sở pháp lý và tài liệu căn cứ.....	2
1.3.1. Các văn bản về môi trường của nhà nước ban hành.....	2
1.3.2. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam áp dụng trong báo cáo.....	2
1.4. Đơn vị thực hiện quan trắc.	3
Thông tin cơ bản về Trung tâm Quan trắc TN&MT Hà Nội.....	4
PHẦN II: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC.....	6
2.1. Vị trí quan trắc	6
2.2. Các thông số quan trắc, phân tích:.....	6
2.3. Thiết bị quan trắc	6
2.4. Thời gian lấy mẫu và điều kiện lấy mẫu.....	7
PHẦN III: NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC.....	10
PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	12
4.1. Đánh giá chất lượng môi trường.....	12
4.2. Kiến nghị.....	12
PHỤ LỤC	14



PHẦN I: TỔNG QUAN

1.1. Mục tiêu của báo cáo

Quan trắc, phân tích và giám sát chất lượng môi trường đợt 1 năm 2025 tại Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec Smart City có địa chỉ tại Lô đất ký hiệu F2-CCTP3, Khu đô thị mới Tây Mỗ, Đại Mỗ, Vinhomes Park, Đường Tây Mỗ, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo nội dung cam kết thực hiện trong bản Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan chức năng phê duyệt.

Để kiểm soát mức độ ô nhiễm môi trường của bệnh viện, Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp và Môi trường - Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội cùng với đơn vị liên danh là Viện y học lao động và Công nghệ môi trường tiến hành quan trắc xác định chất lượng môi trường không khí xung quanh tại 04 vị trí, 01 vị trí nước thải sau xử lý và 01 vị trí khí thải lấy tại hệ thống xử lý mùi của trạm xử lý nước thải của Bệnh viện.

Báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ là cơ sở, giúp các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan chức năng thực hiện giám sát, kiểm tra chất lượng môi trường của cơ sở trong quá trình hoạt động.

1.2. Quy trình lập báo cáo:

Bước 1: Nghiên cứu hồ sơ của cơ sở gồm:

- + Giấy phép đăng ký kinh doanh.
- + Hồ sơ liên quan đến hoạt động sản xuất.
- + Hồ sơ bảo vệ môi trường đã được xác nhận.

Bước 2: Tổ chức thực hiện quan trắc và phân tích mẫu môi trường nước thải, khí xung quanh, khí thải của cơ sở.

- + Biên bản lấy mẫu hiện trường.
- + Thiết bị quan trắc, lấy mẫu, hóa chất bảo quản mẫu.
- + Phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm.

Bước 3: Tổng hợp kết quả, số liệu phân tích. Hoàn thiện báo cáo trình các cơ quan chức năng.

1.3. Cơ sở pháp lý và tài liệu căn cứ

1.3.1. Các văn bản về môi trường của nhà nước ban hành

- Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 do Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17/11/2020;
- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường;

1.3.2. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam áp dụng trong báo cáo

QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội;

QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;

QCVN 28:2010/BTNMT/A: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế. Cột A quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

- Giá trị hệ số $k = 1,2$: Áp dụng cho bệnh viện có quy mô < 300 giường.

1.4. Đơn vị thực hiện quan trắc và lập báo cáo giám sát môi trường.

Việc tiến hành quan trắc môi trường và lập báo cáo giám sát môi trường đợt 1 năm 2025 của Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec Smart City do Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Smart City chủ trì, giao cho đơn vị tư vấn là Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp và Môi trường - Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội cùng với đơn vị liên danh là Viện y học lao động và Công nghệ môi trường, Trạm quan trắc và phân tích môi trường lao động thực hiện quan trắc và lập báo cáo giám sát môi trường.



Thông tin cơ bản về Viện y học lao động và Công nghệ môi trường:

Viện y học lao động và Công nghệ môi trường trực thuộc Hội bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam được thành lập theo quyết định số 85/QĐ-HMTg ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Hội Bảo vệ Thiên nhiên Môi trường Việt Nam.

Địa chỉ đăng ký kinh doanh: Số 13, BT 4-3, Khu nhà ở Trung Văn, đường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Email: info@etohi.vn

Địa chỉ Phòng thí nghiệm:

Địa chỉ phòng thí nghiệm: C16-25 khu C, Khu đô thị mới Geleximco, đường Lê trọng Tấn, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Thực hiện lấy mẫu và phân tích các thành phần môi trường theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 306 tại Giấy chứng nhận số 02/GCN-BTNMT ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường:

Thông tin cơ bản về Trạm quan trắc và phân tích môi trường lao động:

- Tên đơn vị: Trạm quan trắc và phân tích môi trường lao động (WEMOS)
- Địa chỉ trụ sở: Số 99 Phố Trần Quốc Toàn, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024 22172480
- Địa chỉ Email: moitruonglaodong@vnnios.vn
- Trạm quan trắc và phân tích môi trường lao động là một đơn vị có trên 20 năm hoạt động trong lĩnh vực quan trắc môi trường và công nghệ môi trường. Đơn vị thực hiện quan trắc các chỉ tiêu môi trường theo yêu cầu của BTNMT cấp Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường **VIMCERTS 025**.
- Thực hiện các nhiệm vụ công về BVMT theo quy định
- Nghiên cứu phát triển và ứng dụng KHCN xử lý ô nhiễm môi trường, quản lý môi trường, chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xử lý ô nhiễm môi trường lao động.
- Đào tạo và phổ biến kiến thức trong lĩnh vực môi trường lao động
- Thực hiện các dịch vụ KHCN, hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật.

Thông tin cơ bản về Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp và Môi trường Hà Nội:

- Tên đơn vị: Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp và Môi trường Hà Nội
- Địa chỉ trụ sở: Số 18, Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Tên cơ quan chủ quản: Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội.
- Tên giao dịch quốc tế: HANOI CENTER FOR AGRICULTURAL TECHNOLOGY AND ENVIRONMENT

Là đơn vị sự nghiệp công trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội, tiên phong trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi với đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn, trang thiết bị hiện đại, 05 phòng thí nghiệm chuẩn đạt Chứng chỉ VILAS 692 và được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường **VIMCERTS 115**.

Chức năng nhiệm vụ:

- Thực hiện hoạt động quan trắc, phân tích tài nguyên môi trường;
- Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường, Báo cáo quan trắc môi trường, Báo cáo xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường;
- Tư vấn lập kế hoạch và biện pháp ứng phó sự cố hóa chất, tràn dầu;
- Tư vấn lập hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; hồ sơ ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản; thăm dò, khai thác khoáng sản;
- Tư vấn xây dựng, lắp đặt hệ thống trong xử lý môi trường: nước thải, khí thải, chất thải rắn.
- Thực hiện các hoạt động tư vấn, dịch vụ về nông nghiệp và môi trường theo quy định.
- Hỗ trợ khách hàng tuân thủ các quy định của pháp luật về Tài nguyên và Môi trường

Bảng 1: Thành phần tham gia lấy mẫu, phân tích mẫu và lập Báo cáo quan trắc

Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec Smart City

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
<i>Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec Smart City</i>			
1	Trịnh Minh Thứ	Nhân viên	Lập kế hoạch và tham gia phối hợp
<i>Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp và Môi trường Hà Nội - Viện y học lao động và Công nghệ môi trường - Trạm quan trắc và phân tích môi trường lao động</i>			
1.	Lê Văn Đức	Phó Trưởng phòng Quan trắc và phân tích môi trường	Phối hợp tổ chức thực hiện phân tích trong phòng thí nghiệm
2.	Phạm Thị Quyên	Cán bộ Phòng Tư vấn và dịch vụ môi trường	Xây dựng kế hoạch, lập báo cáo quan trắc
3.	Lê Anh Tuấn	Trưởng nhóm quan trắc	Quan trắc hiện trường
4.	Phùng Công Hưng	Cán bộ quan trắc	Quan trắc hiện trường
5.	Nguyễn Xuân Nam	Cán bộ quan trắc	Quan trắc hiện trường
6.	Bùi Sỹ Hoàng	Cán bộ quan trắc	Quan trắc hiện trường

PHẦN II: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC

2.1. Vị trí quan trắc

Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Smart City có địa chỉ tại Lô đất ký hiệu F2-CCTP3, Khu đô thị mới Tây Mỗ, Đại Mỗ, Vinhomes Park, Đường Tây Mỗ, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Để thực hiện quan trắc đánh giá chất lượng môi trường của Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec Smart City, đơn vị tư vấn đã tiến hành đo kiểm tại 04 vị trí không khí xung quanh, 01 vị trí nước thải y tế sau xử lý và 01 vị trí khí thải tại hệ thống xử lý mùi của trạm xử lý nước thải của Bệnh viện. Tọa độ và mô tả vị trí lấy mẫu được thể hiện trong bảng 2 dưới đây:

Bảng 2: Vị trí lấy mẫu không khí xung quanh, nước thải y tế

TT	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ		Đặc điểm vị trí lấy mẫu
		Kinh độ	Vĩ độ	
1	KK1	0577586	2323117	Góc bên trái gần lối lên xuống tầng hầm, gần cổng chính.
2	KK2	0577722	2323122	Góc bên phải cổng chính, trên bãi cỏ
3	KK3	0577684	2323264	Góc bệnh viện, gần chốt bảo vệ số 4
4	KK4	0577584	2323236	Góc bệnh viện, gần nhà để xe
5	KT	577413	2324093	Khí thải lấy tại hệ thống xử lý mùi của trạm xử lý nước thải
7	NT	0577438	2323898	Điểm xả cuối sau hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện

2.2. Các thông số quan trắc, phân tích

Môi trường không khí xung quanh: Tiếng ồn, độ rung

Môi trường nước thải y tế: pH, BOD₅ (20°C), COD, Sunfua (tính theo H₂S), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Dầu mỡ động thực vật, Coliform, Salmonella, Shigella, Vibrio cholera, Tổng hoạt độ phóng xạ α , Tổng hoạt độ phóng xạ β .

Môi trường khí thải: NH₃, H₂S, Metyl Mercaptan.

2.3. Thiết bị quan trắc

Mẫu nước được đựng trong các chai lấy mẫu chuyên dụng, được dán nhãn và được bảo quản bằng hóa chất hoặc bảo quản lạnh bằng thùng đá chuyên dụng ở điều kiện nhiệt độ khoảng 4°C

trong suốt thời gian vận chuyển về phòng thí nghiệm, riêng mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh màu đã khử trùng và bảo quản lạnh trong quá trình vận chuyển về phòng thí nghiệm.

Mẫu khí được lấy trong dụng cụ lấy mẫu chuyên dụng, được dán nhãn và bảo quản lạnh bằng thùng đá chuyên dụng trong suốt thời gian vận chuyển về phòng thí nghiệm.

Bảng 3. Phương pháp lấy mẫu hiện trường

TT	Thành phần	Phương pháp lấy mẫu
Nước thải		
1	pH	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2008
2	BOD ₅ (20°C)	
3	COD	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	
6	Amoni (tính theo N)	
7	Nitrat (tính theo N)	
8	Phosphat (tính theo P)	
9	Dầu mỡ động thực vật	
10	Tổng Coliforms	
11	Salmonella	
12	Shigella ^[1]	
13	Vibrio cholerae ^[1]	
14	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^[1]	
15	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^[1]	
Khí xung quanh		
1	Tiếng ồn	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2008
2	Độ rung	
Khí thải		
1	NH ₃ ^[1]	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2008
2	H ₂ S ^[1]	
3	Metyl Mercaptan ^[1]	

2.4. Phương pháp phân tích.

Thông số và phương pháp phân tích được thể hiện qua bảng 4 dưới đây:

Bảng 4: Các thông số và phương pháp phân tích

<i>STT</i>	<i>Thông số phân tích</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>Phương pháp phân tích</i>
I	Nước thải		
1	pH	-	TCVN 6492:1999
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	SMEWW 5220 D:2012
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	TCVN 6625:2000
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	HACH 8131:2008
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	TCVN 5988:1995
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	TCVN 6494-2:2000
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	TCVN 6202:2008
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	TCVN 5070:1995
10	Tổng Coliforms	MPN /100ml	TCVN 6187-2:2009
11	Salmonella	Vi khuẩn /100ml	TCVN 9717:2013
12	Shigella ^[1]	Vi khuẩn /100ml	SMEWW9260 : 2012
13	Vibrio cholerae ^[1]	Vi khuẩn /100ml	
14	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^[1]	Bq/l	TCVN 6053:2011
15	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^[1]	Bq/l	TCVN 6219:2011
II	Không khí xung quanh		
1	Tiếng ồn	dB	TCVN 7878-2:2010
2	Độ rung	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 5067:1995
III	Khí thải		
1	NH ₃ ^[1]	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020
2	H ₂ S ^[1]	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010
3	Metyl Mercaptan ^[1]	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014

2.5. Thời gian lấy mẫu và điều kiện lấy mẫu

Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec Smart City đã phối hợp với đơn vị tư vấn là Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp và Môi trường Hà Nội kết hợp cùng với đơn vị liên danh là Viện y học lao động và Công nghệ môi trường, Trạm quan trắc và phân tích môi trường lao động tiến hành đo

kiểm các thông số tại hiện trường của Bệnh viện và đưa về phòng thí nghiệm phân tích theo Quy chuẩn Việt Nam hiện hành. Các vị trí quan trắc đã được lựa chọn dựa theo Quy chuẩn Việt Nam.

Thời gian lấy mẫu:

Ngày 31/03/2025 tiến hành 04 vị trí không khí xung quanh, 01 vị trí nước thải sau xử lý và 01 vị trí khí thải tại hệ thống xử lý mùi của trạm xử lý nước thải của Bệnh viện.

Tại thời điểm lấy mẫu trời nắng nhẹ, ít gió, hoạt động của Bệnh viện diễn ra bình thường.



PHẦN III: NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Bảng 5: Kết quả phân tích chất lượng không khí xung quanh

TT	Thông số P hân tích	Đơn vị	Kết Quả				QCVN	Phương pháp phân tích
			KK1	KK2	KK3	KK4		
1	Tiếng ồn	dBA	65,4	65,4	61,0	57,4	70(QCVN 26:2010)	TCVN 7878- 2:2010
2	Độ rung	dB	33,3	40,8	42,2	41,3	70(QCVN 27:2010)	TCVN 6962:2001

Ghi chú:

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

Bảng 6: Kết quả phân tích chất lượng nước thải y tế sau xử lý

STT	Thông số phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010 /BTNMT/A		Phương pháp phân tích
			NT	K=1,0	K=1,2	
1	pH	-	8,31	6,5-8,5		TCVN 6492:1999
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	20	50	60	TCVN 6001- 1:2008
3	COD	mg/l	34	100	120	SMEWW 5220 C:2017
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	27	100	120	TCVN 6625:2000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	0,09	4,0	4,8	TCVN 6637:2000
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5,70	10	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat(tính theo N)	mg/l	33,2	50	60	TCVN 6494- 1:2011
8	Phosphat(tính theo P)	mg/l	1,29	10	12	TCVN 6202:2008
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	2,5	20	24	SMEWW 5520 B&F:2017
10	Tổng Coliforms	MPN /100ml	1,1x10 ³	5000		SMEWW 9221B:2017
11	Salmonella	Vi khuẩn /100ml	KPH	KPH		TCVN 9717:2013
12	Shigella ^[1]	Vi khuẩn /100ml	KPH	KPH		SMEWW 9260E:2017
13	Vibrio cholerae ^[1]	Vi khuẩn /100ml	KPH	KPH		SMEWW 9260H:2017

STT	Thông số phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010 /BTNMT/A		Phương pháp phân tích
			NT	K=1,0	K=1,2	
14	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha^{[1]}$	Bq/l	<0,06	0,1		TCVN 6053:1995
15	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta^{[1]}$	Bq/l	<0,60	1,0		TCVN 6219:2011

Ghi chú:

- QCVN 28:2010/BTNMT/A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế. Cột A quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Giá trị hệ số k = 1,2: Áp dụng cho bệnh viện có quy mô < 300 giường.

Bảng 7: Kết quả phân tích khí thải tại hệ thống xử lý mùi của trạm xử lý nước thải của Bệnh viện.

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Kết Quả	QCTĐHN 01:2014 /BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT	Phương pháp phân tích
			KT			
1	NH ₃ ^[1]	mg/Nm ³	0,75	50	-	JIS K 0099:2020
2	H ₂ S ^[1]	mg/Nm ³	<0,14	7,5	-	JIS K 0108:2010
3	Metyl Mercaptan ^[1]	mg/Nm ³	<0,3	-	15	PD CEN/TS 13649:2014

Ghi chú:

- QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội;

- QCVN20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;

PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Đánh giá chất lượng môi trường

Kết quả quan trắc, phân tích hiện trạng chất lượng môi trường đợt 1 năm 2025 của Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec Smart City thể hiện trong phiếu kết quả phân tích đính kèm trong phần phụ lục của Báo cáo này. Từ kết quả phân tích có thể đưa ra những kết luận sau:

Môi trường không khí xung quanh: Các thông số chất lượng môi trường không khí xung quanh của Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec Smart City đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

Môi trường nước thải y tế: Các thông số chất lượng môi trường nước thải y tế sau hệ thống xử lý của Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec Smart City đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 28:2010/BTNMT/A: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế. Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Giá trị hệ số $k = 1,2$: Áp dụng cho bệnh viện có quy mô < 300 giường.

Khí thải tại hệ thống xử lý mùi của trạm xử lý nước thải của Bệnh viện: Các thông số chất lượng môi trường khí thải của Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec Smart City đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

4.2. Kiến nghị

Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec Smart City cần duy trì các biện pháp bảo vệ môi trường theo các nội dung ghi trong bản Báo cáo Đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bệnh viện cần duy trì chế độ quan trắc môi trường định kỳ theo quy định.

- Khi có sự cố xảy ra, thực hiện theo đúng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chuẩn bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết ứng cứu kịp thời. Đồng thời cần báo cáo ngay với cơ quan chức năng để kịp thời xử lý, khắc phục.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các qui định, tiêu chuẩn hiện hành về phòng cháy chữa cháy.

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông cống rãnh tại khu vực Bệnh viện, tránh để ứ đọng nước thải.



PHỤ LỤC



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ liên hệ: 18, Huỳnh Thúc Kháng, P.Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

ĐT: 84.4.37542413 FAX: 84.4.37555848 Email: ttqt@cenma.com.vn Website: www.cenm.com.vn

Số: *QA 21.09.1*/2025/KQPT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: Chi nhánh bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec - Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec Smart City

Địa điểm quan trắc: Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec Smart City

Địa chỉ quan trắc: KĐT mới Tây Mỗ - Đại Mỗ, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Loại mẫu: Nước thải, khí thải và không khí xung quanh

Số lượng mẫu: 06

Thời gian lấy mẫu: 31/3/2025

Bảng 1: Kết quả phân tích chất lượng nước thải.

STT	Thông số phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010 /BTNMT/A		Phương pháp phân tích
			NT	K=1,0	K=1,2	
1	pH	-	8,31	6,5-8,5		TCVN 6492:1999
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	20	30	36	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	34	50	60	SMEWW 5220 C:2017
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	27	50	60	TCVN 6625:2000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	0,09	1,0	1,2	TCVN 6637:2000
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5,70	5,0	6,0	TCVN 5988:1995
7	Nitrat(tính theo N)	mg/l	33,2	30	36	TCVN 6494-1:2011
8	Phosphat(tính theo P)	mg/l	1,29	6	7,2	TCVN 6202:2008
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	2,5	10	12	SMEWW 5520 B&F:2017
10	Tổng Coliforms	MPN /100ml	1,1x10 ³	3000		SMEWW 9221B:2017
11	Salmonella	Vi khuẩn /100ml	KPH	KPH		TCVN 9717:2013
12	Shigella ^[1]	Vi khuẩn /100ml	KPH	KPH		SMEWW 9260E:2017
13	Vibrio cholerae ^[1]	Vi khuẩn /100ml	KPH	KPH		SMEWW 9260H:2017
14	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^[1]	Bq/l	<0,06	0,1		TCVN 6053:1995
15	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^[1]	Bq/l	<0,60	1,0		TCVN 6219:2011

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ liên hệ: 18, Huỳnh Thúc Kháng, P.Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

ĐT: 84.4.37542413 FAX: 84.4.37555848 Email: ttqt@cenma.com.vn Website: www.cenm.com.vn

Bảng 2: Kết quả phân tích chất lượng không khí xung quanh

TT	Thông số Phân tích	Đơn vị	Kết Quả				QCVN	Phương pháp phân tích
			KK1	KK2	KK3	KK4		
1	Tiếng ồn	dBA	65,4	65,4	61,0	57,4	70(QCVN 26:2010)	TCVN 7878-2:2010
2	Độ rung	dB	33,3	40,8	42,2	41,3	70(QCVN 27:2010)	TCVN 6962:2001

Bảng 3: Kết quả phân tích chất lượng khí thải

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Kết Quả	QCTĐHN 01:2014 /BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT	Phương pháp phân tích
			KT			
1	NH ₃ ^[1]	mg/Nm ³	0,75	50	-	JIS K 0099:2020
2	H ₂ S ^[1]	mg/Nm ³	<0,14	7,5	-	JIS K 0108:2010
3	Metyl Mercaptan ^[1]	mg/Nm ³	<0,3	-	15	PD CEN/TS 13649:2014

Bảng 4 : Vị trí lấy mẫu

Kí hiệu	Mã hóa mẫu	Tọa độ	Miêu tả vị trí
NT	25T3N21	0577438 2323898	Điểm xả cuối sau hệ thống xử lý nước thải của bệnh viện.
KK01		0577586 2323117	Góc bên trái gần lối lên xuống tầng hầm, gần cổng chính.
KK02		0577722 2323122	Góc bên phải cổng chính, trên bãi cỏ
KK03		0577684 2323264	Góc bệnh viện, gần chốt bảo vệ số 4
KK04		0577584 2323236	Góc bệnh viện, gần nhà để xe
KT		0577413 2324093	Tại hệ thống xử lý mùi của trạm xử lý nước thải

Ghi chú:

Báo cáo này bao gồm 03 trang;

Đơn vị phát hành trên cơ sở:

Căn cứ quyết định số 845/QĐ-BTNMT Ngày 22/4/2022 của Bộ trưởng bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường(VIMCERTS 115);

Căn cứ quyết định số 1589/QĐ-UBND Ngày 18/3/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thành lập Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp và môi trường Hà Nội trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ liên hệ: 18, Huỳnh Thúc Kháng, P.Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

ĐT: 84.4.37542413 FAX: 84.4.37555848 Email: ttqt@cenma.com.vn Website: www.cenm.com.vn

trường Hà Nội và Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới Hà Nội;

Căn cứ

QCVN 28:2010/BTNMT/A Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế. Cột A quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

- **Giá trị hệ số $k = 1$:** Áp dụng cho bệnh viện có quy mô ≥ 300 giường.
- **Giá trị hệ số $k = 1,2$:** Áp dụng cho bệnh viện có quy mô < 300 giường

QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội;

[1]: Kết quả nhà thầu phụ cung cấp;

KPH: Không phát hiện;

Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu trên, theo Biên bản bàn giao mẫu số: 08/3 Ngày 31/3/2025;

Không được phép sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Nông nghiệp và Môi trường – Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội.

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

TRUNG TÂM KTN&MT HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC

PHÒNG QT&PTMT
P. TRƯỞNG PHÒNG



LÊ VĂN ĐỨC



NGÔ THÁI NAM

BIÊN BẢN LẤY MẪU AXÍT KHÍ THẢI

Tên khách hàng:	Bệnh viện Đa khoa Vinmec Smart City			
Địa chỉ:	Lô đất ký hiệu F2-CCTP3, KĐT mới Tây Mỗ - Đại Mỗ - Vinhomes Park, Đ. Tây Mỗ, P. Tây			
Tên/Vị trí lấy mẫu:	Khí thải lấy tại hệ thống xử lý mùi của trạm xử lý nước thải			
Tọa độ lấy mẫu:	Kinh độ: Vĩ độ:			
Thời gian lấy mẫu:	31/3/2025			
Người thực hiện:	Thưgen, Hào, Minh, Lữ			
Phương pháp quan trắc:	Hydro sunphua, H ₂ S	JIS K 0108:2010	Amoniac và các hợp chất amoni	JIS K 0099:2020
Thiết bị:				

1. THÔNG SỐ: Hydro sunphua, H₂S

TT	KÝ HIỆU MẪU		Thời gian lấy mẫu		Tốc độ lấy mẫu (L/phút)	Thể tích lấy mẫu V _m (L)	Nhiệt độ khí khô T _m (°C)	Áp suất khí quyển P _{bar} (mmHg)	Thể tích dung dịch (mL)	Ghi chú
	Lần	Ký hiệu	Bắt đầu	Kết thúc						
1	Lần 1	25.644/980.KT/03.001.H2S	10 ^h 55	11 ^h 35	1	401	20	766.3	150	
2	Lần 2	25.644/980.KT/03.001.H2S								
3	Lần 3	25.644/980.KT/03.001.H2S								

2. THÔNG SỐ: Amoniac và các hợp chất amoni

TT	KÝ HIỆU MẪU		Thời gian lấy mẫu		Tốc độ lấy mẫu (L/phút)	Thể tích lấy mẫu V _m (L)	Nhiệt độ khí khô T _m (°C)	Áp suất khí quyển P _{bar} (mmHg)	Thể tích dung dịch (mL)	Ghi chú
	Lần	Ký hiệu	Bắt đầu	Kết thúc						
1	Lần 1	25.644/980.KT/03.001.NH 3	10 ^h 55	11 ^h 35	1	400	20	766.4	150	
2	Lần 2	25.644/980.KT/03.001.NH 3								
3	Lần 3	25.644/980.KT/03.001.NH 3								

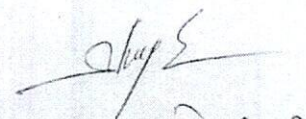
Ghi chú:

Đại diện khách hàng

Người thực hiện

Trưởng nhóm QT


Đại diện khách hàng


Trưởng nhóm QT



ISO 9001:2015
VIMCERT 025

TRẠM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG
Địa chỉ: 99 Trần Quốc Toàn, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 04.22172480, 04-22172473; Fax: 04.38223011



BIÊN BẢN LẤY MẪU VOCs KHÍ THẢI

Khách hàng	Bệnh viện Đa khoa Vinmec Smart City
Địa chỉ	Lô đất ký hiệu F2-CCTP3, KĐT mới Tây Mỗ - Đại Mỗ - Vinhomes Park, Đ. Tây Mỗ, P. Tây Mỗ, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu	Khí thải lấy tại hệ thống xử lý mùi của trạm xử lý nước thải
Ngày:	31/3/2025
Người thực hiện:	Thuyên, Hoa, Mai, Dũng
Tọa độ lấy mẫu	Kinh độ: Vĩ độ:
Loại/dạng mẫu:	Khí thải
Đặc điểm thời tiết:	
Thiết bị quan trắc:	
Phương pháp quan trắc:	PD CEN/TS 13649 : 2014: Metyl mercaptan

Tên/ký hiệu mẫu:	25.644/980.KT/03.001-1
Nhiệt độ nguồn thải (°C):	20
Áp suất khí quyển (mmHg):	766,9
Nhiệt độ xung quanh (°C):	18
Tốc độ dòng lấy mẫu (L/phút):	8,2
Ký hiệu túi/ống hấp phụ:	Metyl
Thời gian bắt đầu (giờ.phút):	10h55
Thời gian kết thúc (giờ.phút):	
Thẻ tích	612

Ghi chú: Mã hóa mẫu theo HD 15-05: Mã đơn hàng/mã khách hàng.Loại mẫu/tháng.stt/vật liệu lấy mẫu..thứ tự lần lấy mẫu. (20.1000/100.KT/03.001-01)

Đại diện cơ sở
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đài Mối Nhu

Phụ trách nhóm quan trắc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Công Thuyên

Quan trắc viên
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trang

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIÊN BẢN LẤY MẪU VÀ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC
(NƯỚC MẶT, NƯỚC THẢI, NƯỚC DƯỚI ĐẤT, NƯỚC MƯA, NƯỚC BIỂN)

Hợp đồng /Chương trình	Dịch vụ	
Địa điểm quan trắc	Bệnh Viện ĐKAT Vinmec Smart City	
Địa chỉ	ĐT mới Tây Mỗ - Đại Mỗ, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	
Ngày quan trắc	Ngày...31...tháng...3...năm 2025	
Tên người quan trắc	Phùng Công Hưng	
Đặc điểm thời tiết	trời lạnh	
Thiết bị quan trắc	☒ GPS ☒ Gầu lấy mẫu ☐ Thiết bị lấy mẫu phương ngang, dọc ☐ Máy đo độ đục ☒ Máy đo đa chỉ tiêu ☐ Máy đo vận tốc	
Lập chương trình và kỹ thuật lấy mẫu	☐ TCVN 6663-1:2011	
Loại hoặc dạng mẫu	Phương pháp quan trắc	
Nước thải	☒	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995
		☐ Nước thải sinh hoạt ☐ Nước thải công nghiệp ☐ Nước thải giấy và bột giấy ☐ Nước thải chăn nuôi ☐ Nước thải CN thép ☐ Nước thải tinh bột sắn ☐ Nước thải dệt may ☐ Nước thải của bãi chôn lấp chất thải rắn ☐ chế biến thủy sản NM Nước thải ☐ Nước thải CN chế biến cao su
Nước mặt	☐	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5994:1995, TCVN 6663-6:2016
+Nước mặt sông suối	☐	TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-1:2011,
+Nước mặt ao hồ	☐	TCVN 6663-4:2018, TCVN 5994:1995
Mẫu vi sinh	☐	TCVN 8880:2011
Nước ngầm	☒	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-11:2011
Nước biển	☐	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-9:2011, ISO 5667-9:2015, TCVN 5998:1995
Nước mưa	☐	TCVN 5997:1995
Lượng mẫu	Phương pháp bảo quản	
	☐	TCVN 6663-3:2016
...Chai tổng hợp nhựa 1000ml	☒	Bảo quản lạnh
....Chai COD thủy tinh 500ml	☒	0,5 ml H ₂ SO ₄ (1:1)
...Chai Dầu mỡ thủy tinh 1000ml	☒	1,5 ml HCL (1:1)
...Chai CN' nhựa 500ml	☐	0,5 ml NaOH 5%
...Chai vi sinh được khử trùng 250ml	☒	Bảo quản lạnh
...Chai kim loại nhựa 250ml	☐	0,5 ml HNO ₃ (đ)
....HCBVTV chai 500ml (*)	☐	Na ₂ S ₂ O ₃
...Chai αβ nhựa 1000ml	☒	
Thông tin khác (nếu có)		

luu

KẾT QUẢ ĐO NHANH HIỆN TRƯỜNG

Thông số			Tọa độ	Nhiệt độ	pH	DO	Độ dẫn	Độ muối	Độ đục	TDS	Thời gian	PTN
Đơn vị			K.độ:..... V.độ:.....	°C	-	mg/L	mS/cm	‰	NTU	mg/L	L1:...giờ... L2:...giờ... L3:...giờ...	Mã hóa mẫu
Phương pháp				SMEWW 2550B:2017	TCVN 6492:2011	TCVN 7325:2016	SMEWW 2510B:2017	SMEW W2520. B:2017	TCVN 6184:2008	SMEWW 2450C:2017		
	KHM	Vị trí lấy mẫu (nhiều mẫu)										
1	NT	Mẫu lấy tại điểm... Xã...huyện...thị trấn...	X:2323.898 Y:577.438		8,31							
2		XLNT của Bệnh Viện										
3												
4												
5												

Ghi chú:.....

Người quan trắc
(Ký, họ tên)

Huy
Nguyễn Công Huy

Trưởng nhóm quan trắc hiện trường
(Ký, họ tên)

Le Anh Tuấn
Le Anh Tuấn

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIÊN BẢN LẤY MẪU VÀ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ, BỤI LO LŨNG, TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG, ÁNH SÁNG VÀ PHÓNG XẠ

H.đồng/ch.tr	Diễn vụ					
Địa điểm quan trắc	Bệnh viện ĐKQT Vinmec smart city					
Địa chỉ	KĐT mới Tây Mỗ - Đại Mỗ, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội					
Loại và dạng mẫu	☐ Khí xung quanh ☐ Khí sản xuất ☒ Tiếng ồn ☐ Độ rung ☐ Bụi ☐ VKH					
Ngày quan trắc	Ngày 31 tháng ... 3 năm 2024					
Tên người quan trắc	Nguyễn Xuân Nam, Lê Anh Tuấn					
Đặc điểm thời tiết	trời lạnh					
Thiết bị quan trắc	☐ GPS ☐ Bơm hút khí GILAIR 5 ☐ Thiết bị lấy bụi MCZ (HVS1) ☐ Thiết bị đo vi khí hậu Kestrel ☐ Máy đo khí Metan Ventis MX4 ☐ Thiết bị lấy mẫu khí LFS113 ☒ Máy đo độ rung Onosokki VR-6100 ☒ Thiết bị đo độ ồn RION ☐ Thiết bị đo phóng xạ Inspector Alert ☐ Thiết bị đo vi khí hậu Portlog ☐ Kestrel 5500 ☐ Thiết bị đo bụi Met one ☐ Thiết bị đo bụi Minivol ☐					

Thông số	Phương pháp quan trắc	Vdd h.thụ (ml)	Lưu lượng (l/p)	Thời gian hút (bắt đầu-kết thúc)	Lượng mẫu (ống 15ml)	Bảo quản (điều kiện)
☐ SO ₂	MASA 704B:1998	10	0.5		10	Lạnh
☐ NO ₂	TCVN 6137:2009	10	0.5		10	Lạnh
☐ NH ₃	MASA method 401	10	0.5		10	Lạnh
☐ H ₂ S	MASA method 701	10	0.5		10	Lạnh
☐ CO	52-TCN 352-89	1	-	-	Chai 1000ml	B.thường
☐ VOCs	NIOSH Method 1501	Catrich	0.05		ống than	Hộp
☐ TSP	TCVN 5067:1995	Giấy bụi:	L1: L2: L3:		Giấy bụi	Hộp đĩa perchi
☐ Chì bụi	TCVN 6152:1996	Giấy bụi	L1: L2: L3:		Giấy bụi	Hộp đĩa perchi
☐ HF	NIOSH Method 7909	10	0.5		10	Lạnh
☐ Hg	NIOSH Method 6009	Catrich	0.2		Catrich	Hộp
☐ Formaldehyde	NIOSH Method 3500					
☐ PM10	US EPA Compendium Method IO-2.1	Giấy bụi	1000		Giấy bụi	Hộp

Đu

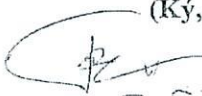
KẾT QUẢ ĐO NHANH HIỆN TRƯỜNG

Thông số			Tọa độ	Nhiệt độ	Độ ẩm	Tốc độ gió	Hướng gió	Áp suất	Độ ồn	Độ rung	Ánh sáng	Thời gian	Mã hóa mẫu
Đơn vị			K.độ:..... V.độ:.....	°C	%	m/s	0-360°	hPa	dBA	dB	Lux	L1:..giờ... L2:..giờ... L3:..giờ	
Phương pháp			-	QCVN 46:2012/BTNMT					TCVN 7878-2:2010	TCVN 6963:2001	TCVN 7114-1:2008		
	KHM	Vị trí lấy mẫu											
1	KK1	Giữa bên trái công trường gần lối lên sân thượng	X: 2323117 Y: 577586						65,4	X: 33,3 Y: 31,6 Z: 39,4			
2	KK2	Giữa bên phải công trường gần lối lên cầu	X: 2323122 Y: 577722						65,4	X: 40,8 Y: 29,8 Z: 38,3			
3	KK3	Giữa bên hông gần chốt bảo vệ số 4	X: 2323264 Y: 577684						61,0	X: 42,2 Y: 47,9 Z: 56,8			
4	KK4	Giữa bên viên gần nhà để xe	X: 2323236 Y: 577584						57,4	X: 41,3 Y: 31,7 Z: 39,5			
5													

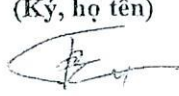
Ghi chú:.....

Người quan trắc
(Ký, họ tên)

Trưởng nhóm quan trắc hiện trường
(Ký, họ tên)


Lê Anh Tuấn

Lần ban hành: 01.25


Lê Anh Tuấn

Trang: 2/2

